TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUỲNH PHỤ** **TỈNH B**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2018/HS-ST
Ngày 24/01/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH B

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Liên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Công Tụ

2. Ông Đào Duy Thiều

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Phụ, tỉnh Thái Bình *tham gia phiên toà:* Bà Lê Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 24 tháng 01 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 98/2017/HSST ngày 25 tháng 12 năm 2017, quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2018/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 01 năm 2018 đối với:

Bị cáo Phạm Văn M**,** sinh năm 1992; nơi sinh, đăng ký thường trú và nơi ở: Thôn A, xã T, huyện Q, tỉnh B; nghề nghiệp: Lao động tự do; học vấn: 9/12; con ông: Phạm Văn D, sinh năm 1968 và bà: Hoàng Thị T1, sinh năm 1971; vợ: Trần Thị TB sinh năm 1992; con: Có 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án, tiền sự: Không; bị tạm giữ từ ngày 17/10/2017 đến ngày 20/10/2017 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an huyện Q, tỉnh B (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Hồi 09 giờ 15 phút ngày 17/10/2017 tại khu vực Quốc lộ 10 thuộc thôn ĐP, xã AL, huyện Q, tỉnh B tổ công tác của Công an

huyện Q kết hợp cùng với Ban công an xã AL phát hiện Phạm Văn M có biểu hiện tàng trữ trái phép chất ma túy, yêu cầu về trụ ở UBND xã AL, huyện Q kiểm tra người M phát hiện và quản lý tại túi quần bên phải, phía trước M đang mặc 01 gói nhỏ nghi là ma túy có đặc điểm: Bên ngoài được gói bằng giấy trắng có dòng kẻ, mở ra bên trong là chất bột màu trắng dạng cục, M khai đây là ma túy vừa mua với giá 100.000 đồng mục đích để sử dụng cho bản thân. Công an huyện Q đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và niêm phong vật chứng.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Phạm Văn M không thu giữ tài sản, đồ vật gì liên quan đến hành vi phạm tội.

Tại bản kết luận giám định 470/KLGĐ-PC54 ngày 17/10/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B kết luận:

- Mẫu gửi giám định là ma túy, loại Heroin có trọng lượng 0,3141 gam (Không phẩy ba nghìn một trăm bốn mươi mốt gam).

Hêrôin nằm trong Danh mục I, STT: 20, Nghị định 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 của Chính phủ.

Tại phiên tòa bị cáo khai: Do nghiện ma túy nên khoảng 08 giờ 30 phút ngày 17/10/2017 bị cáo đi bộ từ nhà ra đường liên xã T, huyện Q đi nhờ xe của một người đàn ông không quen biết đến ngã tư H, xã V, huyện Q gặp và mua của một người phụ nữ khoảng 40 tuổi không biết tên, địa chỉ 01 gói ma túy với giá 100.000 đồng rồi bỏ vào túi quần bên phải đang mặc sau đó đi bộ tìm nơi để sử dụng thì bị bắt giữ.

Bản cáo trạng số 05/KSĐT ngày 25/12/2017 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh B truy tố Phạm Văn M về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*" theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội: Giữ nguyên quyết định truy tố đối với Nguyễn Văn M về tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*". Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 7, khoản 1 Điều 249, Điều 50 và Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015; điểm p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999 xử phạt bị cáo từ 15 tháng đến 18 tháng tù; không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự năm 1999, tịch thu để tiêu hủy toàn bộ vật chứng là heroin thu được của bị cáo trong phong bì niêm phong hoàn mẫu vật sau giám định. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo nói lời sau cùng, nhận thức hành vi của bị cáo là vi phạm pháp luật, rất hối hận về hành vi của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an huyện Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiền hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo thừa nhận do nghiện ma túy nên bị cáo đã đi mua ma túy về sử dụng cho bản thân nhưng chưa kịp sử dụng thì bị bắt giữ. Bị **c**áo đã đủ tuổi và có năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy, xâm phạm trật tự an toàn xã hội. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, đúng như nội dung bản cáo trạng đã mô tả và được chứng minh bằng biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản niêm phong vật chứng do Công an huyện Q lập ngày 17/10/2017, lời khai của người làm chứng, bản kết luận giám định cùng toàn bộ các tài liệu thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Do đó có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 09 giờ 15 phút ngày 17/10/2017, tại khu vực thôn ĐP, xã AL, huyện Q, tỉnh B, Phạm Văn M đã có hành vi cất giấu tại túi quần bên phải phía trước đang mặc 01 gói ma túy, loại heroin, có trọng lượng 0,3141 gam (*Không phẩy ba nghìn một trăm bốn mươi mốt gam*) nhằm mục đích sử dụng cho bản thân, đã bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Q phát hiện bắt quả tang. Hành vi của bị cáo đã phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*", tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999.

Việc Viện kiểm sát nhân dân huyện Q truy tố và kết luận bị cáo phạm tội "*Tàng trử trái phép chất ma túy*" theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 là hoàn toàn có căn cứ.

[3] Về điều luật áp dụng: Thời điểm xét xử bị cáo Bộ luật hình sự năm 2015 đã có hiệu lực pháp luật, theo quy định tại khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 thì tội tàng trữ trái phép chất ma túy có khung hình phạt nhẹ hơn so với Bộ luật hình sự năm 1999, do đó để đảm bảo tính có lợi cho bị cáo, Hội đồng xét xử áp dụng Bộ luật hình sự năm 2015 để xét xử đối với bị cáo về tội danh và quyết định hình phạt; về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và xử lý vật chứng không có gì khác so với Bộ luật hình sự và Bộ luật tố tụng hình sự

năm 1999, do đó áp dụng quy định của Bộ luật hình sự và Bộ luật tố tụng hình sự năm 1999 là phù hợp với quy định tại Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015.

[4] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thấy: Tệ nạn ma túy đang là mối quan T1, nhức nhối của toàn xã hội, ma túy làm ảnh hưởng đến kinh tế, sức khỏe, làm suy thoái giống nòi, là căn nguyên phát sinh các loại tội phạm khác, bị cáo hiểu được tác hại của ma túy nhưng vì nghiện ma túy nên bị cáo đã phạm tội. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, vì vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật với mức án tương xứng hành vi bị cáo đã gây ra và việc cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội trong thời gian chấp hành hình phạt là cần thiết để cải tạo, giáo dục bị cáo riêng và có tác dụng trong đấu tranh phòng ngừa tội phạm chung, như mức án đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[5] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa, bị cáo thành thật khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội, do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ "*thành khẩn khai báo*" theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Bị cáo có thời gian tham gia Quân đội nhân dân Việt Nam nên được áp dụng khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999 giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[6] Về hình phạt bổ sung: Theo khoản 5 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định: "*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm, tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản*", như vậy bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo lao động tự do, không có thu nhập ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Do không có căn cứ xác định người đã bán ma túy cho bị cáo nên cơ quan điều tra không có cơ sở để điều tra xử lý.

[8] Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra thu giữ của bị cáo 01 gói chứa chất bột màu trắng dạng cục, kết quả giám định kết luận là ma túy loại heroin và hoàn trả mẫu vật sau giám định, cần tịch thu để tiêu hủy là phù hợp quy định tại Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự năm 1999.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn M phạm tội "*Tàng trữ trái phép chất ma túy*"

- Áp dụng khoản 1 Điều 249, Điều 50, Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015, điểm p khoản 1 Điều 46, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999, phạt bị cáo Phạm Văn M 01(*Một)* năm 06 (*Sáu*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 17 tháng 10 năm 2017.

- Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự năm 1999, tịch thu tiêu hủy 0,2853 gam (*Không phẩy hai nghìn tám trăm năm mươi ba gam*) mẫu gửi giám định và bao gói được niêm phong trong phong bì hoàn mẫu vật sau giám định ghi số 407/KLGĐ của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh B, theo biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh B ngày 25/12/2017.

- Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, bị cáo Phạm Văn M phải chịu 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

- Quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận
- Bị cáo;
- VKSND huyện Q;
- Công an huyện Q;
- Chi cục THADS huyện Q;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hương Liên